

**UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : **1227** /NN&PTNT

Quảng Ngãi, ngày **12** tháng 10 năm 2004

V/v: Thẩm định và phê duyệt thiết kế KT-TC và Tổng dự toán công trình Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hoà, thuộc Dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi.

Kính gửi: Sở Giao thông Vận tải Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-UB ngày 30/9/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bản quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1344/QĐ-CT ngày 29/5/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt tài liệu thiết kế dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra ngày 24/5/2004 của Trung tâm Ứng dụng và Phát triển khoa học công nghệ xây dựng Cảng - Đường thủy về việc thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công công trình Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hoà thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi; Báo cáo Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật - thi công và dự toán hạng mục: Trạm biến áp và hệ thống cấp điện ngoài; Báo cáo Kết quả thẩm định số 678/SXD-KHTĐ ngày 06/10/2004 của Sở Xây dựng về Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật - thi công và dự toán hạng mục: Các công trình kiến trúc; Báo cáo Kết quả thẩm định số 806/SGTVT-KTTĐ ngày 20/8/2004 của Sở Giao thông Vận tải về Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật - thi công và dự toán hạng mục: Bến cá, bến neo đậu tàu và các công trình neo buộc tàu, đê, kè, nạo vét khu đậu tàu, luồng tàu thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi;

Xét Tờ trình số 95/TTr-BQL ngày 11/10/2004 của Ban quản lý dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi về việc thẩm định và phê duyệt thiết kế KT-TC và Tổng dự toán công trình Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hoà; sau khi xem xét hồ sơ thiết kế KT-TC và Tổng dự toán do Công ty tư vấn Xây dựng Cảng - Đường thủy lập và Kết quả thẩm định thiết kế KT-TC và dự toán các

hạng mục của công trình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Sở Giao thông Vận tải xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hoà  
Thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi .

- Tổng mức đầu tư dự án : 15.159.360 Đô la Úc.
- Kinh phí ước tính cho công trình : 3.176.000 Đô la Úc, tương đương 36.196.872.000 đồng Việt Nam (ứng với tỷ giá 1 đô la Úc = 11.397 đồng Việt Nam tại Ngân hàng Công thương Quảng Ngãi ngày 11/10/2004).
- Địa điểm xây dựng công trình: Xã Tịnh Hoà và xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích chiếm đất: 140.974 m<sup>2</sup>.
- Chủ đầu tư : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi.
- Nhiệm vụ công trình : Đảm bảo nơi neo trú cho khoảng 350 tàu thuyền đánh cá trong mùa bão lũ và sẽ là nơi cho các tàu thuyền vào bán cá, mua các nhu yếu phẩm cần thiết cho lần đi biển tiếp theo.

**2. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – thi công công trình:**

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công công trình do Công ty tư vấn xây dựng Cảng - Đường thủy lập phù hợp với phụ lục 1 trong Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng và đã được các cơ quan chức năng thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật – thi công và dự toán các hạng mục thuộc công trình, cụ thể như sau:

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế kỹ thuật thi công của Trung tâm Ứng dụng và Phát triển khoa học công nghệ xây dựng Cảng - Đường thủy và phân giải trình các ý kiến thẩm tra của đơn vị tư vấn thiết kế;
- Báo cáo Kết quả thẩm định số 622/TĐ-SCN ngày 29/9/2004 của Sở Công nghiệp về Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật – thi công và dự toán hạng mục: Trạm biến áp và hệ thống cấp điện ngoài thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi;
- Báo cáo Kết quả thẩm định số 678/SXD-KHTĐ ngày 06/10/2004 của Sở Xây dựng về Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật – thi công và dự toán hạng mục: Các công trình kiến trúc thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi;
- Báo cáo Kết quả thẩm định số 806/SGTVT-KTTĐ ngày 20/8/2004 của Sở Giao thông Vận tải về Kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật – thi công và dự toán hạng mục: Bến cá, bến neo đậu tàu và các công trình neo buộc tàu, đê, kè, nạo vét khu đậu tàu, luồng tàu thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi;



- Hạng mục Dò tìm và xử lý bom mìn, vật nổ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3674/QĐ-CT ngày 24/12/2003.

**3. Tổng dự toán công trình:**

Tổng dự toán công trình Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hoà được lập trên cơ sở các định mức, đơn giá và các chế độ, chính sách Nhà nước hiện hành tại thời điểm lập Tổng dự toán và trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định của các cơ quan chức năng (kèm theo Tổng dự toán công trình do đơn vị tư vấn lập và bảng tổng hợp Tổng dự toán do Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra và trình).

- Tổng dự toán công trình : **35.920.395.444 đồng**  
**(Tương đương 3.151.741 đô la Úc)**

*(Ba mươi lăm tỉ, chín trăm hai mươi triệu, ba trăm chín lăm ngàn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng chẵn)*

- Trong đó : + Giá trị xây lắp : 29.494.335.022 đồng
- + Giá trị thiết bị : 139.913.072 đồng
- + Chi phí khác : 4.575.652.329 đồng
- + Dự phòng : 1.710.495.021 đồng

*(Tỉ giá trong ngày 11/10/2004 tại Ngân hàng Công thương Quảng Ngãi : 01 đô la Úc = 11.397 đồng Việt Nam )*

**4. Nguồn vốn:** Vốn ODA tài trợ không hoàn lại của Chính phủ Úc và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

(Trên cơ sở kết quả thẩm định, Ban quản lý dự án cùng Nhà thầu quản lý Úc sẽ thống nhất tỷ lệ đóng góp phần vốn ODA và phần vốn đối ứng theo Công văn số 2225/UB ngày 14/11/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**5. Thời gian thực hiện : Năm 2004 – 2005**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Sở Giao thông Vận tải quan tâm xem xét, thẩm định và sớm trình UBND tỉnh phê duyệt. / *van*

- Nơi nhận:** *thab*
- Như trên;
  - UBND tỉnh(báo cáo);
  - Lãnh đạo Sở(A.Việt);
  - BQL dự án GNTT Q.Ngãi;
  - Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature]*

**Ngô Huân**

**TỔNG HỢP TỔNG DỰ TOÁN**

**CÔNG TRÌNH: CẢNG NEO TRÚ TÀU THUYỀN TỈNH HOÀ - DỰ ÁN GIẢM NHỆ THIÊN TẠI QUẢNG NGÃI**  
 ( Kèm theo Công văn số 1222/NN&PTNT ngày 12/10/2004 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



TT	Hạng mục	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí (đ.)					Tổng cộng	
				Đê, kè, nạo vét khu đầu tàu, luồng tàu và các hạng mục phụ trợ thi công	Công trình kiến trúc	Công trình kiến trúc, mạng kỹ thuật				Cộng
						Mạng cấp thoát nước	Mạng cấp điện trong Cảng	Trạm biến áp và hệ thống cáp điện		
<b>A</b>	<b>Chi phí xây lắp</b>		$G_{XL} + G_{TB}$	9.140.138.004	2.173.425.370	425.433.403	492.485.205	587.866.976	3.679.210.955	29.634.248.094
I	Giá trị xây lắp		$G_{XL}$	16.814.899.135	2.173.425.370	425.433.403	492.485.205	587.866.976	3.679.210.955	29.634.248.094
1	Giá trị xây lắp trước thuế	$G_{XL}$		15.286.271.941	1.919.073.064	386.757.639	447.713.823	463.999.004	3.217.543.530	26.865.867.603
2	Thuế giá trị gia tăng (Xây dựng)	VAT	$G_{XL} * 10\%$	1.528.627.194	191.907.306	38.675.764	44.771.382	46.399.900	321.754.353	2.570.348.079
-	Thuế giá trị gia tăng (Nạo vét)	VAT	$G_{XL} * 5\%$	719.966.532	191.907.306	38.675.764	44.771.382	46.399.900	321.754.353	2.570.348.079
3	Giá trị xây lắp sau thuế	$G_{XL}$	$G_{XL} + VAT$	16.814.899.135	2.110.980.370	425.433.403	492.485.205	510.398.904	3.539.297.883	29.494.335.022
II	Giá trị thiết bị (gồm VAT)	$G_{TB}$			62.445.000			77.468.072	139.913.072	139.913.072
<b>B</b>	<b>Chi phí khác (Gồm VAT)</b>	$G_K$	$G_K = \Sigma K$	508.625.108	134.329.877	25.395.970	33.044.945	37.130.454	229.901.246	4.575.652.329
1	Dò tìm và xử lý bom mìn	K1	Theo QĐ số 3674/QĐ-CT ngày 24/12/2003							577.050.000
2	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	K2	Tạm tính							1.800.000.000
3	Chi phí khảo sát và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	K3	Tạm tính							131.435.000
4	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn	K4	Theo kết quả thẩm định số 806/SGTVT-KTĐĐ ngày 20/8/2004	421.179.091	62.894.175	11.793.014	15.203.018	4.563.169	4.563.169	425.742.260
5	Chi phí thiết kế	K5	Theo dự toán chi tiết	255.652.314						510.377.907
6	Chi phí thẩm tra thiết kế	K6		12.584.943	1.579.942	334.493	387.212	401.296	2.702.943	22.172.230
7	Lệ phí thẩm định thiết kế	K7	Theo dự toán chi tiết	7.286.048	568.046	185.644	214.903	325.727	1.294.320	13.420.992
8	Lệ phí thẩm định dự toán	K8	Theo dự toán chi tiết	7.139.300	1.120.738	278.465	322.354	501.119	2.222.676	14.481.358
9	Chi phí quản lý dự án	K9		269.758.064	32.092.812	6.467.779	9.582.186	9.930.729	58.073.506	474.464.976



TT	Hạng mục	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí (đ.)							
				Bến cá, bến neo đầu tàu và các công trình neo buồm tàu	Đê, kè, nạo vét khu đầu tàu, hàng mương và các công trình phụ trợ	Công trình kiến trúc	Mạng cấp thoát nước	Mạng cấp điện trong Cảng	Trạm biến áp và hệ thống cấp điện	Công	Tổng cộng
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	K10		131.824.101	72.111.762	25.701.988	3.385.667	3.919.276	4.061.836	37.068.767	241.004.630
11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu XL và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu	K11		21.102.026	11.543.445	3.574.819	602.516	697.477	722.847	5.597.659	38.243.130
12	Thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, kiểm toán, ...	K12		28.921.627	15.721.037	3.630.886	731.745	847.075	877.886	6.087.592	50.730.256
13	Chi phí bảo hiểm công trình	K13		173.193.461	94.742.051	3.166.471	1.616.647	1.871.444	1.939.516	8.594.078	276.529.590
C	Chi phí dự phòng	G <sub>DP</sub>	$G_{DP} = (G_{XL} + G_{TB} + G_K) * 5\%$	907.177.006	482.438.156	115.387.762	22.541.469	26.276.508	31.249.872	195.455.610	1.710.495.021
D	TỔNG DỰ TOÁN		$G_{XL} + G_{TB} + G_K + G_{DP}$	19.050.717.116	10.131.201.268	2.423.143.009	473.370.841	551.806.657	656.247.302	4.104.567.808	35.920.395.444